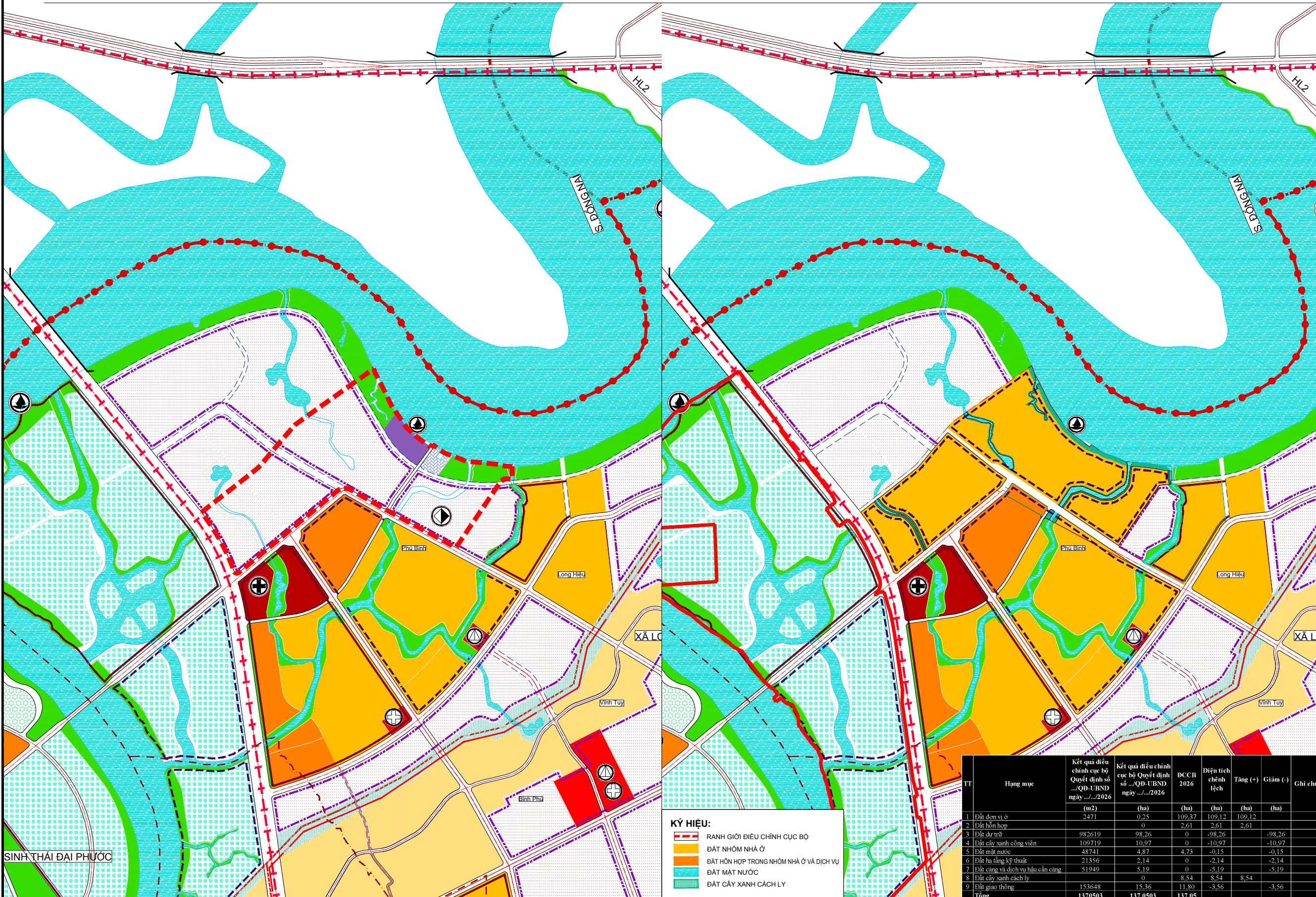
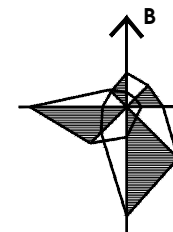


ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ MỚI NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2035 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

SO SÁNH CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH



- KÝ HIỆU:**
- ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CẤP VÙNG
 - ĐẤT CÔNG CỘNG CẤP ĐÔ THỊ
 - ĐẤT CƠ QUAN, CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP
 - ĐẤT HỖN HỢP
 - ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
 - ĐẤT Ở LÃNG XỐM
 - ĐẤT TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP
 - ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 - ĐẤT CÔNG NGHIỆP
 - ĐẤT CẢNG VÀ DỊCH VỤ HẬU CẦN CẢNG
 - ĐẤT KHU ĐÔ THỊ DU LỊCH
 - ĐẤT DU LỊCH SINH THÁI
 - ĐẤT CÂY XANH THỂ DỤC THỂ THAO
 - ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN
 - ĐẤT SINH THÁI NÔNG NGHIỆP
 - ĐẤT RỪNG NGẬP MẶN
 - ĐẤT NGHĨA TRANG
 - ĐẤT DI TÍCH - TÒN GIÁO
 - ĐIỂM AN NINH QUỐC PHÒNG
 - ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
 - ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
 - MẶT NƯỚC
 - ĐƯỜNG GAS
 - ĐƯỜNG BỘ
 - ĐƯỜNG SẮT - GA ĐƯỜNG SẮT
 - ĐƯỜNG ĐIỆN
 - RAH GIỚI KHU VỰC CÓ KHẢ NĂNG XÂY DỰNG CTCC NGÀM KẾT NỐI BÀI XE NGÀM
 - RAH GIỚI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
 - RAH GIỚI XÃ
 - RAH GIỚI HUYỆN
 - RAH GIỚI TỈNH
 - RAH GIỚI NGHIÊN CỨU
 - VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ
- CẤP PHÉ DUYỆT:**
UBND TỈNH ĐỒNG NAI
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2025
- CƠ QUAN THẨM ĐỊNH VÀ TRÌNH DUYỆT:**
SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2025
- CƠ QUAN LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ:**
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2025
- CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:**
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ MỚI NHƠN TRẠCH
ĐẾN NĂM 2035 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
- TÊN BẢN VẼ:**
SO SÁNH CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH THEO QUYẾT ĐỊNH 2985/QĐ-UBND NGÀY 05/12/2025 CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI

BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

TT	Hạng mục	Kết quả điều chỉnh cục bộ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026	Kết quả điều chỉnh cục bộ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026	ĐCCB 2026	Diện tích chênh lệch	Tăng (+)	Giảm (-)	Ghi chú
1	Đất đơn vị ở	2471	0,25	109,37	109,12	109,12		
2	Đất hỗn hợp		0	2,61	2,61	2,61		
3	Đất dự trữ	982619	98,26	0	-98,26		-98,26	
4	Đất cây xanh công viên	109719	10,97	0	-10,97		-10,97	
5	Đất mặt nước	48741	4,87	4,73	-0,15		-0,15	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	21356	2,14	0	-2,14		-2,14	
7	Đất cảng và dịch vụ hậu cần cảng	51949	5,19	0	-5,19		-5,19	
8	Đất cây xanh cách ly		0	8,54	8,54	8,54		
9	Đất giao thông	153648	15,36	11,80	-3,56		-3,56	
	Tổng	1370503	137,0503	137,05				